

Bản án số: 629/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-4-2019.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thuý Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Liêm,
2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh,

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Uyên Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 783/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà **N.T.B.N.**, sinh năm 1987,

Thường trú: Phan Tây Hồ, Phường 7, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông **N.V.H.**, sinh năm 1989 (Vắng mặt),

Tạm trú: abc Vũ Tùng, Phường Q, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn bà N.T.B.N. trình bày:*

Bà và ông N.V.H. tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Phú Nhuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79 quyền số 01/2009 ngày 26/5/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, cách thức dạy con cũng như không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mà hai bên không tự giải quyết được dẫn đến dần dà vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Ông H. và bà đã sống ly thân đến nay được 05 năm và không còn chia sẻ, quan tâm đến nhau. Do đó, bà yêu cầu ly hôn ông N.V.H..

Về con chung: Có một con chung tên N.T.B.N., sinh ngày 10/6/2009. Bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu cấp dưỡng vì hiện con đang sống cùng với bà.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông N.V.H.:*

Bị đơn ông N.V.H. đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H. không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H..

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn bà N.T.B.N. khởi kiện ông N.V.H., cư trú tại quận Bình Thạnh, yêu cầu ly hôn và đề nghị được nuôi con được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà N.T.B.N. về ly hôn ông N.V.H., giao một con chung cho bà B.N. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ghi nhận sự tự nguyện của bà B.N. không yêu cầu ông H. cấp dưỡng nuôi con, bà B.N. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

### **[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:**

Nguyên đơn bà N.T.B.N. khởi kiện yêu cầu ly hôn ông N.V.H., cư trú tại abc Vũ Tùng, Phường Q, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với xác minh ngày 19/4/2018 của Công an Phường 2, quận Bình Thạnh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa:**

Bị đơn ông N.V.H. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy ông H. vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông N.V.H..

### **[3] Về quan hệ hôn nhân:**

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79 quyền số 01/2009 ngày 26 tháng 5 năm 2009 của Ủy an nhân dân Phường 7, quận Phú Nhuận, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông N.V.H. và bà N.T.B.N. là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên bà B.N. đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, bà B.N. cho biết do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trở nên trầm trọng, bà B.N. đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn ông H. tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận và được Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 311/QĐST-HNGĐ ngày 21/07/2015 khi có đơn rút yêu cầu; đặc biệt bà B.N. và ông H. không còn chung sống với nhau đã lâu dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được, nên tại phiên tòa, bà N. vẫn giữ yêu cầu ly hôn ông H.. Đối với bị đơn ông N.V.H., Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như để ông H. thực hiện quyền tranh tụng. Mặc dù, ông H. là người ký nhận trực tiếp đa số văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông H. vẫn không tham gia và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với khởi kiện của bà N.. Đồng thời, thông qua kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Bình Thạnh, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N.T.B.N. và ông N.V.H. tồn tại mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống, mục

đích hôn nhân không đạt được như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, và bà B.N. vẫn giữ yêu cầu ly hôn nên xét thấy hôn nhân giữa bà N. và ông H. không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu khởi kiện của bà N.T.B.N. về việc ly hôn ông N.V.H. có cơ sở để chấp nhận.

**[4] Về con chung:**

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N.T.B.N. đề nghị được nuôi con chung tên N.T.B.N., sinh ngày 10/6/2009, không yêu cầu ông H. cấp dưỡng nuôi con.

Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bà N.T.B.N. và ông N.V.H. có một con chung tên N.T.B.N., sinh ngày 10/6/2009. Tại Biên bản ngày 06/6/2018, trẻ N.T.B.N. trình bày trẻ đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại, và thể hiện nguyện vọng được sống cùng mẹ tên N.T.B.N. trong trường hợp cha mẹ không sống chung với nhau. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như nguyện vọng của trẻ và tình hình thực tế nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích về mọi mặt tốt nhất cho sự phát triển của trẻ chưa thành niên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung tên N.T.B.N. cho bà N.T.B.N. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bà N.T.B.N. vẫn không yêu cầu bị đơn ông N.V.H. cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

**[5] Về tài sản chung:**

Xét không đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

**[6] Về án phí sơ thẩm:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà N.T.B.N. phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà N.T.B.N. ly hôn ông N.V.H..

2. Về con chung:

2.1. Giao một con chung tên N.T.B.N., sinh ngày 10/6/2009 cho bà N.T.B.N. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N.T.B.N. không yêu cầu ông N.V.H. cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà N.T.B.N. phải chịu, được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004454 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà B.N. đã nộp đủ án phí.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### 6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường 7, Q.Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký và đóng dấu)**

**Vũ Thị Thúy Vân**